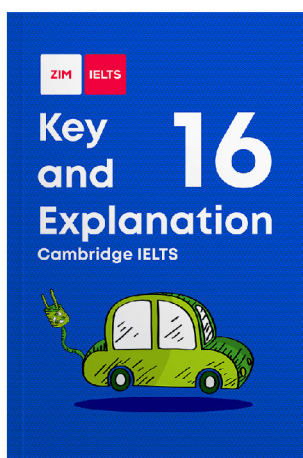


ZIM

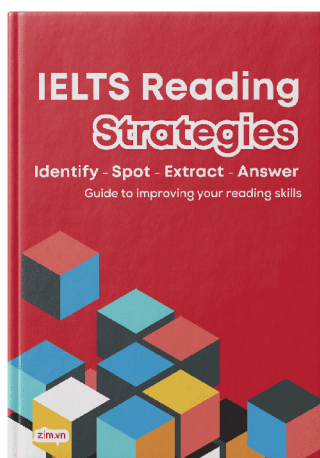
IELTS Listening Essential Guide

Phương pháp nhận diện ngữ âm
Phương pháp nghe chép chính tả
Phương pháp Note-taking
Phương pháp Top-down
Phương pháp Bottom up
Những lưu ý khi luyện tập

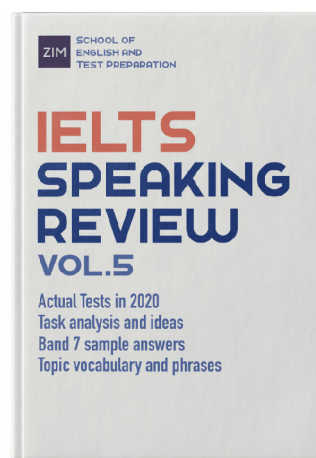
Truy cập zim.vn để tham khảo thêm nhiều bài học và tài liệu luyện thi IELTS chất lượng cao



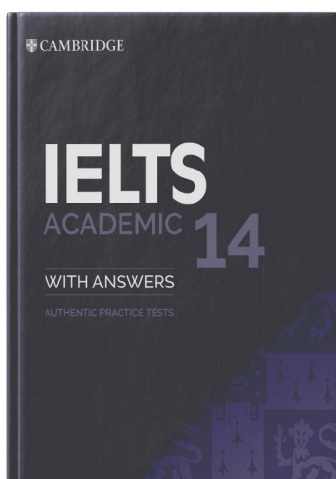
Cambridge English IELTS 16 - Key and Explanation



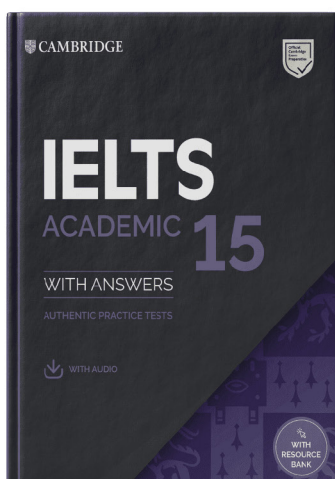
IELTS Reading Strategies - I.S.E.A



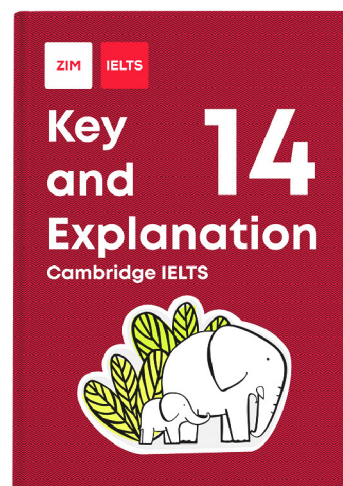
IELTS Speaking Review 2020 - Tổng hợp và Giải đề thi thật IELTS Speaking 2020



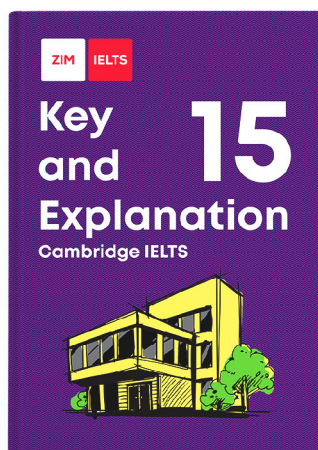
Cambridge English IELTS 14 - Đề thi thử IELTS từ Cambridge 2019



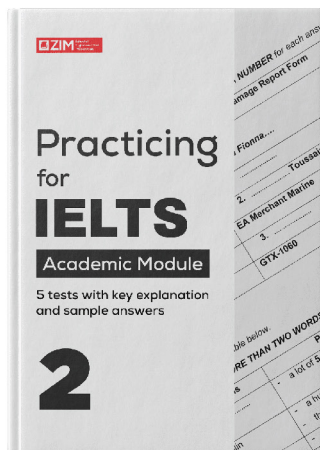
Cambridge English IELTS 15 - Đề thi thử IELTS từ Cambridge 2020



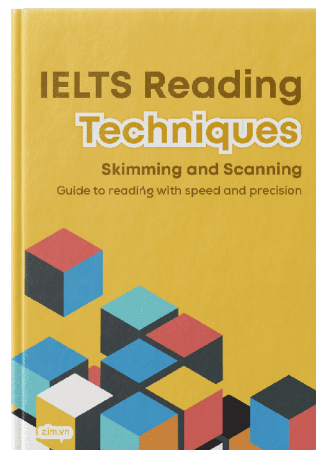
Cambridge English IELTS 14 - Key and Explanation



Cambridge English IELTS 15 - Key and Explanation



Practicing for IELTS (5 Tests) - Vol 2



IELTS Reading Techniques - Skimming and Scanning

MỤC LỤC

Giới thiệu chung	4
Phương pháp nhận diện ngữ âm	5
I. Phương pháp nhận diện ngữ âm.....	5
II. Tại sao nên áp dụng phương pháp nhận diện ngữ âm?.....	6
III. Ứng dụng phương pháp nhận diện ngữ âm.....	6
Phương pháp nghe chép chính tả	8
I. Phương pháp nghe chép chính tả.....	8
II. Tại sao nên áp dụng nghe chép chính tả?.....	8
III. Ứng dụng phương pháp nghe chép chính tả.....	9
Phương pháp Note-taking	11
I. Phương pháp Note-taking là gì?.....	11
II. Tại sao nên áp dụng Note-taking?.....	11
III. Ứng dụng phương pháp Note-taking.....	11
Phương pháp nghe từ trên xuống và nghe từ dưới lên	15
I. Nghe từ trên xuống (Top-down).....	15
II. Nghe từ dưới lên (Bottom-up).....	16
Một số lưu ý khi luyện tập kỹ năng Listening	18
I. Luyện kĩ năng phát âm tiếng Anh chuẩn.....	18
II. Với mỗi từ mới, học chuẩn ngay từ đầu.....	22
III. Luyện nghe theo sách.....	22
Tham khảo	23

GIỚI THIỆU CHUNG

IELTS Listening là bài thi đánh giá kỹ năng nghe của thí sinh gồm 40 câu hỏi, thời gian làm bài khoảng 30 phút với 4 phần. Để hoàn thành tốt bài thi IELTS Listening, thí sinh không chỉ cần có khả năng ngôn ngữ mà còn cần trang bị thêm các phương pháp phù hợp để có thể xử lý các câu hỏi một cách hiệu quả nhất. Dưới đây là một số phương pháp và lưu ý có thể giúp người học cải thiện khả năng nghe hiểu cũng như hoàn thành tốt bài thi IELTS Listening.



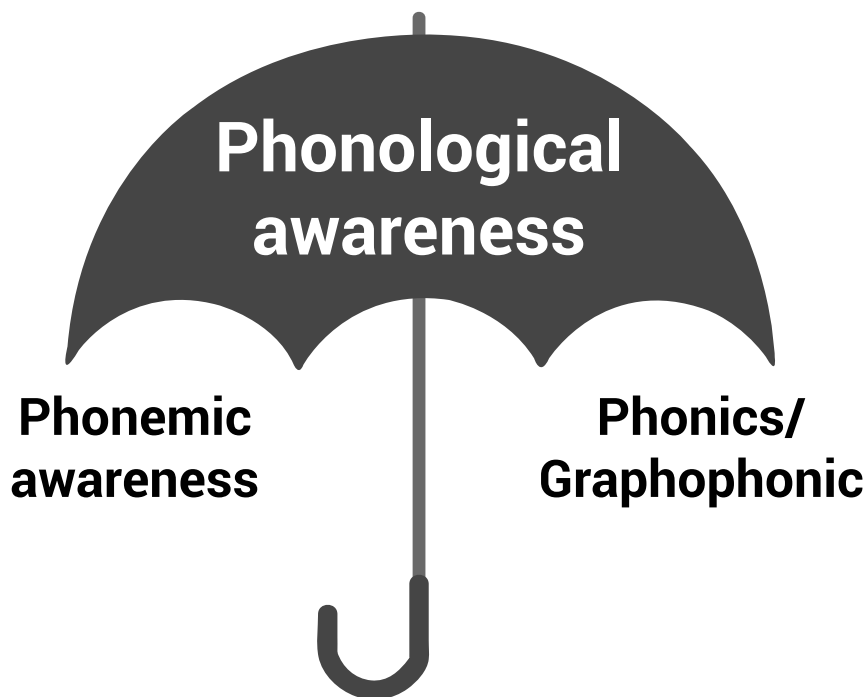
01 Phương pháp nhận diện ngữ âm

Tác giả: Phương Đàm

I. Phương pháp nhận diện ngữ âm là gì?

Phonological Awareness (nhận diện ngữ âm) là sự nhận diện về cấu tạo âm thanh của từ (nhận diện trong một từ có những âm nào). Phương pháp này chú trọng vào việc học các ngữ âm trong hệ thống IPA (như nội dung đã trình bày trên). Sau khi nhận diện được từng ngữ âm, nghe hiểu được trong một từ có khả năng chứa các âm gì, người học có thể ghép các âm để tạo thành một từ hoàn chỉnh.

Trong 44 âm của tiếng Anh, một số âm được đại diện bằng một chữ cái. Ví dụ như âm /t/ có mặt chữ là 't', một số âm khác được đại diện bởi một hay hai chữ cái. Chẳng hạn, trong từ question, người Việt hay có thói quen đọc theo mặt chữ của từ này là *quét-sần* thay vì phải là /'kwes.tʃən/ (theo phiên âm Quốc tế) và nói một cách Việt hoá sẽ đọc là "*kquét-schần*". Vì vậy, có thể thấy rằng dù mặt chữ chỉ có "t" nhưng trong phiên âm phải đọc âm đúng là "tʃ".



Phonological awareness bao gồm 2 nhánh nhỏ:

- Phonemic awareness

Phonemic awareness là sự hiểu biết về từng âm trong một từ, nghĩa là việc phân tích một từ được tạo nên bởi các âm riêng lẻ (sound) nào.

Ví dụ: Trong từ 'cat' có 3 âm (3 sounds) đó là /k/ /æ/ /t/

- Phonics

Phonics có thể hiểu đơn giản là cách đánh vần tiếng Anh nhờ vào mối liên kết giữa việc nhận biết các âm của các chữ cái và cách viết. Người học có thể đánh vần từng đơn âm rồi sau đó ghép các đơn âm lại để có thể đánh vần cả một từ tương tự như tiếng Việt. Đây là cách học không chỉ hạn chế việc lạm dụng trí nhớ để thuộc lòng cách phát âm/ cách viết của một từ mà còn hỗ trợ cho việc nghe và phát âm chuẩn xác, nhất là những âm cuối của từ (final sounds).

II. Tại sao nên áp dụng phương pháp nhận diện ngữ âm?

Đây được xem là phương pháp khá phổ biến trong hệ thống giáo dục ở Anh và Úc, áp dụng hầu hết để luyện kỹ năng đọc – viết cho trẻ em, hỗ trợ trẻ nhận diện được âm và cách ghép âm thành từ, nhờ vậy thuần thục tiếng Anh một cách nhanh chóng. Kỹ năng này rất quan trọng, bởi vì người có khả năng nhận diện âm tốt sẽ hiểu được cách ghép âm vào các từ và đánh vần một từ hoàn chỉnh dễ dàng hơn. Các nhà nghiên cứu tại Đại học St Andrews đã nghiên cứu việc áp dụng phương pháp Phonological Awareness tại Scotland trong khoảng thời gian bảy năm. Sau cùng, kết quả nghiên cứu được công bố vào năm 2005, cho thấy phương pháp Phonological Awareness mang lại thành công rất lớn trong việc dạy trẻ đọc, đặc biệt là đối với bé trai và các em học sinh gặp khó khăn trong việc đọc và học Tiếng Anh. Hơn nữa, Chính phủ Anh cũng ủng hộ việc đưa phương pháp Phonological Awareness vào trường học. Tài liệu Giáo dục, được công bố vào tháng Mười năm 2010, đã chỉ ra rằng: “*Phương pháp Phonological Awareness là phương pháp tốt nhất trong việc dạy đọc cho trẻ.*” Không phải chỉ áp dụng tốt cho trẻ em mà cách học này còn giúp người học ở mọi lứa tuổi cải thiện khả năng nghe nói đáng kể. Ngoài ra, việc ghép âm tạo thành từ tạo điều kiện cho người học viết chính tả tiếng Anh một cách logic hơn.

III. Ứng dụng phương pháp nhận diện ngữ âm

Các bước cơ bản để luyện tập nghe và phiên âm từ bao gồm:

Bước 1: Nghe và ghi chú (take note) các âm tạo nên từ (trong trường hợp chưa quen với phiên âm tiếng Anh, có thể thêm 1 bước phụ là suy từ âm Việt hoá sang âm tiếng Anh dựa vào IPA)

Bước 2: Ghép các âm này thành một từ có phiên âm hoàn chỉnh

Bước 3: Viết từ hoàn chỉnh ở dạng chữ

Ví dụ: (giả sử các từ dưới đây người đọc có biết qua hoặc có nghe qua nhưng chưa biết cách viết từ)

biodiversity /ˌbaɪ.ɒs.diˈvɜː.sə.ti/

Có thể thấy rằng từ “bio” được cấu tạo từ âm /b/ /aɪ/ /oʊ/

âm /oʊ/ trong từ này có khả năng ở dạng chữ là “ow”; “oa” hoặc “o”. Ngoài ra, dựa vào 1 cơ sở nữa là âm /aɪ/, khi ghép âm sẽ thành “io” → bio (thay vì biow hay bioa)

diversity /dɪˈvɜː.sə.ti/

Từ này có cấu tạo là /daɪ/ /vɜː/ /sə/ /ti/. Tương tự, /daɪ/ → di; /vɜː/ → ver; /sə/ /ti/ → sity (lưu ý /ə/ được gọi là âm schwa hay âm “đọc lướt”, người đọc có thể tìm hiểu kỹ hơn về âm này trong các tài liệu pronunciation) → ghép vào sẽ được một từ hoàn chỉnh diversity /dɪˈvɜː.sə.ti/

Người học có thể tham khảo ví dụ dưới đây về việc ứng dụng của Phonological awareness trong bài điền từ Listening:

15th - 19th centuries:

15th century: scientists recognised value of **37** _____ for the first time.

Galileo invented the **38** _____.

(trích từ quyển Cambridge 14 Test 2 Section 4)

TAPESCRIPT:

In 1592, the Italian scientist and inventor Galileo developed the world's first thermometer. His student Torricelli later invented the barometer, which allowed people to measure atmospheric pressure.

Phân tích:

Trong câu hỏi số 38, thông tin cần điền là 1 danh từ, đó là vật Galileo đã phát minh ra. Giả sử người nghe chưa từng biết chữ nhiệt kế là *thermometer*, bây giờ nhờ việc nhận biết âm người nghe có thể phiên ra từ "*thermometer*"

Đoạn script trên có cụm "*Galileo developed...*", vậy chắc chắn chỗ trống sẽ nằm sau cụm này. Người nghe có thể nghe được người đọc trong audio nói từ "*thờ-mo-mi-tờ*" (phiên âm "*Việt hoá*" để minh hoạ trong quá trình nghe bài). Lúc này, nếu đã quen với việc nhận diện ra âm và suy ra đánh vần của từ, thí sinh sẽ dễ dàng đưa ra câu trả lời từ cần điền là /θə/ /mɒ/ /m.i.tər/ → *ther / mo / meter* → Từ hoàn chỉnh: *thermometer*

Sau quá trình làm quen với bảng IPA và cách viết từ âm sang từ hoàn chỉnh, người học tiếng Anh, đặc biệt là đối với những người đang ôn luyện kỹ năng Listening và Speaking trong kỳ thi IELTS, đây là một trong những cách học giúp người học ghi chú và trả lời được các câu hỏi trong dạng bài điền từ một cách có cơ sở hơn, kể cả những từ đã biết qua hay thậm chí chưa nghe qua. Tuy nhiên, để áp dụng tốt phương pháp này, người học phải nỗ lực và nắm được quy tắc phát âm, nhận biết phiên âm.

Một số lưu ý cần nhớ khi làm quen với phương pháp Phonological awareness

- Tạo thói quen tra phiên âm chuẩn khi học từ mới để quen dần với hệ thống âm vị trong tiếng Anh.
 - Tìm hiểu và làm quen với bảng phiên âm IPA.
 - Luyện tập đọc các nguyên âm, phụ âm vì phát âm và nhận biết âm không nên dừng lại ở việc chỉ đọc lý thuyết. Người học cần thực hành thật nhiều để lưỡi và cơ miệng quen với từng âm trong tiếng Anh.
 - Không áp đặt hiểu biết về tiếng Việt hoặc cách đánh vần âm tiếng Việt khi học phát âm tiếng Anh vì cơ bản hệ thống âm tiếng Việt và hệ thống âm tiếng Anh hoàn toàn khác nhau.
- Từ những nội dung đã trình bày ở trên và ví dụ về việc ứng dụng nhận biết ngữ âm trong quá trình học Pronunciation cũng như cải các kỹ năng Listening và Speaking, người học có thể nắm được những thông tin nhất định về ngữ âm học và áp dụng vào quá trình luyện nói và luyện nghe một cách hiệu quả và có cơ sở hơn.

02

Phương pháp nghe chép chính tả

Tác giả: Nguyễn Thị Thủy

I. Phương pháp nghe chép chính tả là gì?

Theo Từ điển Longman về giảng dạy ngôn ngữ và ngôn ngữ học ứng dụng (Richards, Platt, & Platt, 1992), “Nghe chép chính tả là một kỹ thuật được sử dụng trong cả giảng dạy ngôn ngữ và kiểm tra ngôn ngữ trong đó một đoạn văn được đọc to cho học sinh và trong những khoảng tạm dừng, học sinh phải cố gắng viết ra những gì họ nghe chính xác nhất có thể”.

Phương pháp này có thể được biến đổi theo nhiều cách khác nhau để phù hợp hơn với từng đối tượng người học. Ở các nước nói tiếng Anh, giáo viên thường sẽ là người đọc to đoạn văn bản và học sinh sẽ nghe chép xuống, và trong nhiều trường hợp nghe chép chính tả được dùng như một phần của bài kiểm tra năng lực tiếng. Trong cộng đồng học tiếng Anh ở Việt Nam và đặc biệt cộng đồng học IELTS thì phương pháp này có những điểm khác biệt sau:

- Người đọc không phải giáo viên người Việt mà thay vào đó là một người bản xứ trong các video hoặc phim để người nghe có thể làm quen với giọng của người bản xứ.
- Học sinh có thể tự ngừng đoạn video và tự chép xuống phần thông tin nghe được như một cách để luyện nghe tiếng Anh tại nhà. Trên lớp, học sinh sẽ chép theo khoảng ngừng mà giáo viên cho phép.
- Nghe chép chính tả không thường được dùng để kiểm tra năng lực tiếng mà được sử dụng như một phương pháp luyện nghe tiếng Anh.

II. Tại sao nên áp dụng nghe chép chính tả?

Davis (1995) liệt kê 10 lý do để sử dụng chính tả trong các lớp học tiếng Anh như một ngôn ngữ nước ngoài (EFL), trong đó có hai lý do chính: cho cả lớp một cơ hội thực hành nghe tốt trong một thời gian ngắn và khiến học sinh chăm chú lắng nghe. Cuốn sách Nghe chép chính tả của Morley (1977) cũng nói về việc sử dụng chính tả để phát triển các kỹ năng cơ bản trong nghe phân biệt âm và hiểu ý nghĩa các câu thoại tiếng Anh. Ur (1991) khuyên người học nên sử dụng nghe chép chính tả như một hoạt động nghe hiểu.

Một nghiên cứu được thực hiện bởi (Kiany & Shiramiry, 2002) về ảnh hưởng của phương pháp nghe chép chính tả trên một nhóm 35 học sinh người Iran cũng cho thấy những kết quả tích cực. “Có một sự khác biệt đáng kể giữa khả năng nghe hiểu của những học sinh chép chính tả thường xuyên và khả năng nghe hiểu của những học sinh không nghe chép chính tả”.

Có nhiều lý do vì sao phương pháp nghe chép chính tả có thể giúp người học cải thiện khả năng nghe của mình trong thử nghiệm này.

- **Tăng khả năng ghi nhớ thông tin**

Thứ nhất, những người tham gia trong nhóm thử nghiệm phải lắng nghe chăm chú hơn để hiểu được nội dung bài phát biểu nước ngoài. Trong mỗi lần nghe chép chính tả, người tham gia phải nhớ một đoạn thông tin cho đến khi họ có thể viết nó ra giấy và điều này có thể đã giúp tăng cường trí nhớ của họ.

- **Tăng khả năng nhận thức về hệ thống âm thanh và phát âm của tiếng Anh**

Thứ hai, nghe chép chính tả với giọng tiếng Anh của người bản ngữ làm cho người học nhận thức được những khó khăn trong việc hiểu tiếng Anh của người bản ngữ so với tiếng Anh của các giáo viên người Việt. Kenworthy (1990) cũng đồng tình với về việc sử dụng giọng đọc của người bản địa trong nghe chép chính tả để làm cho người học nhận thức được những khía cạnh này của phát âm và do đó, có thể nhận thấy điểm yếu của mình và cố gắng nhiều hơn để cải thiện khả năng nghe hiểu. Việc sử dụng chính tả để làm cho học sinh nhận thức được các khía cạnh khác nhau của phát âm và hệ thống âm

thanh của tiếng Anh cũng đã được Kenworthy (1990) và Celce-Murcia (1996) khuyến dùng. Theo một bài báo từ Hội Đồng Anh thì điểm yếu lớn nhất của phương pháp nghe chép chính tả đó là sự thiếu tương tác giữa các người học, do đó, đôi khi sẽ gây ra sự nhàm chán và khiến người luyện tập phương pháp này nản lòng. Để hạn chế tình trạng này, người học nên bắt đầu với những video về chủ đề mình yêu thích trước, sau đó mới làm quen dần với những chủ đề học thuật thường gặp trong IELTS.

III. Ứng dụng phương pháp nghe chép chính tả

Nghe chép chính tả có thể được sử dụng như một bài luyện tập trên lớp hoặc như một cách tự luyện kỹ năng nghe tại nhà. Nếu ở trên lớp, giáo viên sẽ là người chọn tài liệu nghe cũng như kiểm soát các khoảng ngừng và ngược lại, khi ở nhà, người học sẽ tự chọn tài liệu và chép theo tốc độ phù hợp với khả năng của bản thân.

1. Các bước nghe chép chính tả hiệu quả



Chọn nguồn nghe phù hợp: Giọng đọc người bản xứ, tốc độ và từ vựng phù hợp.



Nghe từng đoạn ngắn và ngừng video để chép thông tin nghe được xuống.



Kiểm tra bản dịch (transcript) để biết được mình đã chép sai những phần nào và rút kinh nghiệm.



Không nhìn phụ đề hay những gì mình đã chép xuống mà chỉ tập trung nghe hiểu đoạn video/ ghi âm.

Bước 1: Người học tìm một video hoặc một bản ghi âm có giọng đọc của người bản xứ theo chủ đề mà mình yêu thích. Độ khó của từ vựng và tốc độ cần phù hợp.

Bước 2: Người học nghe từng đoạn ngắn và tạm dừng video để chép lại thông tin nghe được, có thể tua lại đoạn video hoặc đoạn ghi âm nếu cần.

Bước 3: Người học sau khi đã chép xong cả bài sẽ kiểm tra bản dịch (transcript) để biết được mình đã chép sai những phần nào và rút kinh nghiệm.

Bước 4: Người học không nhìn phụ đề hay những gì mình đã chép xuống mà chỉ tập trung nghe hiểu đoạn video/ghi âm không có khoảng ngừng nhằm luyện phản xạ nghe và xử lý thông tin trong đầu.

Bước 4 tuy là bước cuối cùng nhưng lại rất quan trọng vì nghe chép chính tả tập trung vào phát triển khả năng phân biệt âm là chủ yếu mà chưa cho người học nhiều cơ hội được luyện phản xạ xử lý thông tin. Trong các tình huống nghe hiểu tiếng Anh nói chung và các bài nghe IELTS nói riêng thì lượng thông tin đề cập là khá nhiều và với tốc độ tương đối nhanh, do đó, người học cần có khả năng nghe và xử lý thông tin nhanh để bắt kịp với tốc độ của người nói.

2. Một số trang web hỗ trợ nghe chép chính tả

- **BREAKING NEWS ENGLISH**

<https://breakingnewsenglish.com/>

Breaking News English có tài liệu được chia theo 7 levels từ 0 – 6, phù hợp với các trình độ kể cả Beginner. Các đoạn recording tương đối ngắn nên dễ dàng thực hành theo ngay cả ở giờ nghỉ.

- **ESL Lab**

<https://www.esl-lab.com/>

Giống như Breaking News English, ESL Lab có các recording được sắp xếp theo 3 trình độ bắt đầu từ Beginner. Các đoạn recording đa số là hội thoại xoay quanh các chủ đề gần gũi với cuộc sống

- **Listen a minute**

<https://listenaminute.com/>

Như tên gọi của trang web, tốc độ nói của các đoạn recording khá nhanh và là giọng Anh – Anh. Tài liệu ở trang web này sẽ phù hợp với những người học đã quen với format IELTS Listening và đã tập luyện qua một số đề

- **TED**

<https://www.ted.com/>

TED là trang web có lẽ đã quen thuộc với nhiều sĩ tử luyện thi IELTS. Với chủ đề cực kì đa dạng và chế độ script cũng như điều chỉnh tốc độ, TED là trang web cực kì hữu dụng nếu người học đang muốn luyện phương pháp Dictation nói riêng hay IELTS Listening nói chung



03

Phương pháp Note-taking

Tác giả: Đoàn Ngọc Phúc Anh

I. Phương pháp Note-taking là gì?

Note-taking (hay take notes) là việc ghi chép các điểm trọng tâm của thông tin mà người học vừa tiếp cận được từ một bài nghe hoặc một bài giảng một cách ngắn gọn nhưng vẫn mang đầy đủ nội dung. Trong note-taking, người học sẽ nắm bắt và ghi chú lại thông tin nổi bật và lược bỏ những thông tin không cần thiết trong ý tưởng gốc nhưng vẫn không làm mất ý nghĩa ban đầu của ý tưởng.

Có rất nhiều cách để người học có thể take notes một cách hiệu quả, và một trong số đó là sử dụng phương pháp ghi chú câu (The sentence method). Phương pháp này nhấn mạnh việc ghi chú các (cụm) từ mang ý nghĩa quan trọng trong câu và khi ghép các (cụm) từ này lại với nhau người học vẫn có thể hiểu được ý nghĩa của câu. Do đó, khi sử dụng phương pháp ghi chú câu trong lúc take notes, người học cần nghe hiểu được ý chính của thông tin vừa được tiếp cận và sẽ ghi các thông tin chính dưới dạng (cụm) từ. Việc ghi thành một câu đúng ngữ pháp là không cần thiết bởi vì nếu làm vậy thì người học sẽ rất tốn thời gian để ghi chú và làm tăng khả năng bỏ mất phần thông tin phía sau. Sau khi đã hoàn thành ghi chép thông tin cho ý một, người học nên xuống hàng và tiếp tục ghi chép cho ý thứ hai.

II. Tại sao nên áp dụng Note-taking?

Note-taking có thể mang lại một số lợi ích sau:

- Não không phải xử lý nhiều thông tin ở cùng một thời điểm (tập trung nhìn câu hỏi và take-note, không phải vừa nhìn vừa nghe vừa suy luận đáp án).
- Thí sinh dù không nghe rõ từng từ vẫn có khả năng chọn được đáp án đúng cao.

Tuy nhiên, người học cũng cần lưu ý một số điểm sau:

- Thí sinh cần dành nhiều thời gian luyện tập, thuần thục kỹ năng take-note để đạt được hiệu quả như ý muốn. Điều này là do nếu chưa nắm vững kỹ năng này, thí sinh sẽ không có đủ thời gian để chọn đáp án và phân tích câu hỏi của phần tiếp theo.
- Phương pháp này hầu như không áp dụng được cho thí sinh thi máy, vì thao tác thực hiện khá nhiều nên hiệu quả đạt được không cao.

Lời khuyên: Phương pháp Note-taking chỉ phù hợp với những thí sinh đã làm quen với phương pháp này và còn nhiều thời gian chuẩn bị trước kỳ thi (ít nhất 1 tháng). Ngoài ra, phương pháp này thích hợp đối với người học có kỹ năng nghe tốt, phân biệt được ý chính trong các bài tập có nhịp độ nhanh và có nhiều thông tin.

III. Ứng dụng phương pháp Note-taking

1. Hướng dẫn chung

Những từ cần take note: Noun, adjective, verb.

• Cấu trúc của câu sẽ bao gồm nhiều thành phần: chủ từ (Subject – S)/noun, động từ (Verb – V), tân ngữ (Object – O)/noun, ngoài ra những thành phần để hình thành câu còn có tính từ (adjective), trạng từ (adverb),...

• Tuy nhiên, hai thành phần quan trọng nhất để cấu thành câu là chủ từ (noun) và động từ (verb), nên thí sinh cần chú ý take note danh từ và động từ. Trong trường hợp câu cấu thành ở dạng "S + be

+ adjective” thì danh từ và tính từ là 2 phần cần được chú ý take note.

Ngoài ra còn có những từ giữ vai trò quan trọng trong việc thay đổi nghĩa của câu (not, no, rarely, barely, but...).

Ví dụ: Đoạn script của bài “Paper on public libraries” có đoạn:

“Yes, but remember we’re only supposed to write a short paper, so it’s probably best if we don’t go into funding in any detail.”

Ở phần thông tin này, những từ thí sinh cần note sẽ là: *Only – write – short paper – don’t – funding – in detail.*

Để việc ghi chép thông tin vừa được tiếp cận đạt hiệu quả, người học cần lưu ý những điểm sau:

- Tránh sự phân tâm

Trong quá trình ghi chép thông tin, người học cần tập trung lắng nghe để có thể nhận diện được thông tin chính để take notes. Việc phân tâm và sao nhãng trong quá trình tiếp cận thông tin có thể khiến người học bị mất thông tin quan trọng để ghi chép.

- Nên sử dụng các từ viết tắt và ký hiệu

Để có thể bao quát được thông tin và ghi chép một cách đầy đủ các ý một cách nhanh chóng, người học nên viết tắt cho các từ dài và sử dụng ký hiệu trong phần ghi chú để tránh mất thời gian. Ví dụ cho các từ người học nên viết tắt: w/ (with), w/o (without), do not (don’t)...

2. Ứng dụng phương pháp Note-taking vào dạng bài Multiple choice

Bước 1: Gạch keyword trong câu hỏi và các lựa chọn đề bài cho sẵn

Chú ý: bước này cần được thực hiện nhanh vì thời gian để phân tích 1 câu hỏi là 6 giây, nên keywords phải được gạch chính xác 1 đến 2 từ → chú ý, keywords trong câu hỏi là từ mà ta sẽ tập trung nhìn vào trong lúc nghe.

Gạch keywords trong đáp án để phân tích sự khác biệt giữa những đáp án với nhau, và từ được gạch cũng nên được hạn chế ở từ 1 đến 2 từ.

Việc hiểu nghĩa của từ là rất quan trọng, nên nếu có từ mới trong đáp án hoặc câu hỏi trong quá trình luyện tập, thí sinh nên đoán nghĩa của từ, sau đó tra từ điển trước khi làm bài để đạt được hiệu quả tốt nhất.

Bước 2: Nghe và take note

Thí sinh nhìn keywords câu hỏi, và take note những thông tin nghe được trong phần câu hỏi đó.

Chú ý: hoàn toàn không nhìn vào đáp án

Ý nghĩa của việc take note là để giúp thí sinh không bị phân tâm giữa nội dung được nghe và giữa những đáp án, nên không nhìn vào đáp án lúc nghe. Tuy nhiên, thí sinh vẫn cần nắm được keywords của câu hỏi để có thể bám theo flow của bài nghe.

Bước 3: Đối chiếu phần note được và các lựa chọn để đưa ra đáp án

Sau khi nghe xong, thí sinh sẽ có 30s (half a minute) để kiểm tra lại phần nghe vừa rồi, và với phương pháp note-taking, thì đây là thời gian để thí sinh đối chiếu giữa phần note được và các options (lựa chọn) để đưa ra đáp án phù hợp → đây là phần thí sinh cần tập trung để đưa ra lựa chọn chính xác.

Phân tích ví dụ

Để hiểu rõ hơn việc áp dụng phương pháp vào cách làm IELTS Listening, hãy cùng phân tích ví dụ phía dưới.

Bước 1: Gạch keywords trong câu hỏi

(câu hỏi: 1-2 từ quan trọng/các lựa chọn: gạch từ phân biệt sự khác nhau giữa các lựa chọn)

SECTION 3 Questions 21-30

Questions 21-23

Choose the correct letter, A, B or C.

Paper on Public Libraries

21. What will be the main topic of Trudie and Stewart's paper?

how public library services are organised In different countries

how changes in society are reflected in public libraries

how the funding of public libraries has changed

22. They agree that one disadvantage of free digitalised books is that

they may take a long time to read,

they can be difficult to read,

they are generally old

23. Stewart expects that in the future libraries will

maintain their traditional function

become centres for local communities,

no longer contain any books.

Bước 2: Nghe và take note

How changed

Different countries organize

Changes external development

Changes funding → short paper → best → not funding detail

Impact- new tech → digitalised → home

Digi books out of copyright

Wont find latest best seller/up to date inform

Hard- concentrate – longer – Physical longer

Prefer – Personal preference

Evolving – activities = local clubs – more common

Traditional function → books magazine disappear → rows and rows of computer.

Bước 3: Đối chiếu các lựa chọn với note để chọn đáp án

21. B; 22. C; 23. C

3. Ứng dụng phương pháp Note-taking vào dạng bài Matching trước khi nghe

Người học cần đọc đề và xác định kỹ thông tin chính ở cả phần câu hỏi và đáp án. Việc đọc và nắm được thông tin chính của đề sẽ giúp người học trong việc lựa chọn thông tin để ghi chú một cách chính xác.

→ Người học cần nắm được đề bài đang muốn hỏi về những khía cạnh liên quan đến chính sách dành cho người học việc của công ty.

→ Đây sẽ là nội dung của bài nghe và người học cần đọc hiểu và xác định kỹ các thông tin chính trong phần câu hỏi và đáp án. Người học cần chú ý đề chỉ có 3 đáp án nên việc lặp lại đáp án cho trước là điều sẽ xảy ra. Vì vậy, khi take notes người học nên lưu ý tới các từ đồng nghĩa hoặc các cụm paraphrase lại đáp án trong phần audio.

Trong quá trình nghe:

Khi đã nắm được thông tin chính của bài, người nghe sẽ bắt đầu take notes khi bắt đầu làm bài nghe. Các thông tin trong đoạn audio sẽ theo trình tự của câu hỏi nên người học cần trình bày phần ghi chép của mình trật tự và rõ ràng. Dưới đây sẽ minh họa cách người học có thể takes notes ở dạng bài matching.

Q15: I just want to run through a few company policies for our apprenticeship scheme with you... Most importantly, the internet. As part of your job you'll be doing some research online so obviously you'll have unlimited access for that but please don't use it for personal use – you'll have your own phones for that.

→ The internet – do research online – unlimited access- don't personal use

Q16: Some of you have already asked me about flexible working. After your probationary three-month period – some of you will be eligible for this – but it will depend on which department you're in and what your personal circumstances are. So please don't assume you'll automatically be permitted to do this.

→ Flexible working – after 3 months – eligible – depend on dept & personal circumstances

Q17: I want to make sure there's no confusion about our holiday policy. Apart from any statutory public holidays we ask that you don't book any holidays until after your six-month apprenticeship has finished. Time off should only be taken if you are unwell. Please speak to your supervisor if this is going to be a problem.

→ Apart from public holidays – don't book holidays- after 6 months – time off when unwell

Q18: You'll be expected to work a 40-hour week but there may be opportunities to do overtime during busy periods. Although you're not required to do this, it can be a valuable experience – so we advise you to take it up if possible. Obviously, we understand that people do have commitments outside work, so don't worry if there are times when you are unavailable.

→ Opportunity do overtime – valuable exp – advise take it up

Q19: As you know, we don't have a formal dress code here – you may wear casual clothes as long as they're practical – and the only restriction for shoes we have is on high heels for health and safety reasons. Comfortable shoes like trainers are preferable.

→ Don't have formal codes – Wear casual- no heels- trainers preferable

Q20: There's a heavily subsidised canteen on site where you can get hot meals or salads cheaply. Snacks and drinks are also provided – so (**Q20**) we've decided to introduce a no packed lunch policy. This is partly to encourage healthy eating at work and partly to stop people from eating at their workstation, which is unhygienic

→ Canteen hot meals, snacks & drinks – no packed lunch policy- encourage healthy eating

Sau khi nghe

Người học sẽ dành thời gian để liên kết phần note-taking vừa rồi và phần đáp án trong bài để chọn ra câu trả lời. Việc ghi lại thông tin chính trong từng câu sẽ giúp người học chắc chắn trong việc lựa chọn đáp án của bản thân.

Q15: Người quản lý trong audio giới thiệu về internet trong việc làm nghiên cứu trên mạng. Tuy việc này sẽ không giới hạn trong việc truy cập nhưng quản lý cũng nói thêm rằng việc sử dụng internet không phục vụ cho việc sử dụng cá nhân. → B

Q16: Đề bài đã đánh lừa khi nhắc đến việc sau 3 tháng thì người học việc có thể linh hoạt trong giờ làm nhưng người học cần lưu ý vì người quản lý cũng nói thêm là điều đó sẽ tùy thuộc vào phòng ban đang làm và tình huống cá nhân. → B

Q17: Quản lý đã trực tiếp nhắc đến việc ngoại trừ các kì nghỉ công cộng thì người học việc không đặt các chuyến du lịch nghỉ lễ sau 6 tháng thử việc và chỉ khi nào người học việc cảm thấy không khỏe thì mới có thể xin nghỉ. → C

Q18: Việc làm ngoài giờ được xem là một cơ hội để có thêm kinh nghiệm quý giá và quản lý cũng khuyên người học việc nên làm việc ngoài giờ. → A

Q19: Quản lý đã cho biết ở công ty không có quy định ăn mặc trang trọng mà có thể ăn mặc bình thường. Và việc duy nhất bị cấm ở đây là mang giày cao gót và người quản lý cũng khuyến khích mang giày thể thao. → A

Q20: Công ty sẽ có căn-tin phục vụ thức ăn nóng, đồ ăn vặt và thức uống cho nên việc đem đồ ăn trưa là không được cho phép. → C

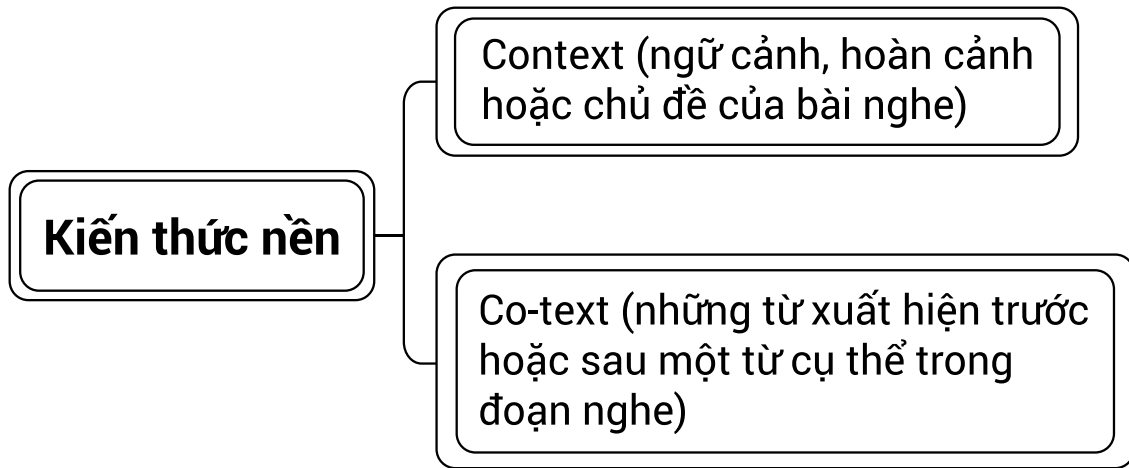
04

Phương pháp Nghe từ trên xuống và Nghe từ dưới lên

Tác giả: Chu Minh Thùy

I. Nghe từ trên xuống (Top-down)

Top-down hay nghe từ trên xuống là phương pháp nghe mà người học sử dụng kiến thức nền về một vấn đề nào đó để hiểu ý nghĩa của những thông tin xuất hiện trong bài nghe. Kiến thức nền bao gồm context (ngữ cảnh, hoàn cảnh hoặc chủ đề của bài nghe) hoặc co-text (những từ xuất hiện trước hoặc sau một từ cụ thể trong đoạn nghe, giúp người học xác định được ý nghĩa của từ đó). Chẳng hạn, trong một cuộc trò chuyện với một người bạn về chủ đề “bài kiểm tra”, khi đã biết được cuộc hội thoại xoay quanh vấn đề gì, kiến thức của người học về vấn đề đó (trong trường hợp này là chủ đề giáo dục, thi cử) sẽ được sử dụng để khoanh vùng từ vựng liên quan cũng như dự đoán những thông tin có thể xuất hiện.



Đây là một kỹ thuật nghe rất quan trọng trong quá trình giao tiếp tiếng Anh, bởi ngay cả những người học tiếng Anh lâu năm cũng không thể biết được tất cả các từ vựng trong ngôn ngữ này. Sử dụng cách tiếp cận “top-down” cho phép người học liên hệ tới những kiến thức đã biết về chủ đề đang nghe để dự đoán ý nghĩa của những từ vựng họ không biết và việc tiếp nhận thông tin không bị đứt quãng.

Cách tiếp cận này phù hợp với người học tiếng Anh ở trình độ trung cấp trở lên khi đã có một lượng từ vựng nhất định. Nguyên nhân là vì nếu năng lực nghe hiểu của người học bị giới hạn trong một vài từ cơ bản, ngay cả khi họ đã có một số hiểu biết nhất định về chủ đề được nhắc đến, những kiến thức nền đó cũng không thể giúp người học hiểu được nội dung của bài nghe. Vì vậy, bên cạnh cách tiếp cận “top-down”, bài viết còn đề cập đến cách “bottom-up” ở phần sau để bổ trợ khả năng nghe cho những người ở trình độ bắt đầu.

Để áp dụng cách tiếp cận “top-down”, trong quá trình nghe người học nên chú ý tới một số từ khóa quan trọng xuất hiện trong bài nghe mang thông tin giúp họ xác định được vấn đề được nhắc đến. Hãy cùng xem một ví dụ cụ thể, sau đây là transcript của một bài nghe trích từ Cambridge IELTS 10:

Well, obviously its purpose is to protect dolphins in seas all around the world. It tries to raise people's awareness of the problems these marine creatures are suffering because of pollution and other threats. It started ten years ago and it's one the fastest growing animal charities in the country - although it's still fairly small compared with the big players in animal protection. We are particularly proud of the work we do in education - last year we visited a huge number of schools in different parts of the country, going round to talk to children and young people aged from five to eighteen. In fact, about thirty-five percent of our members are children.

Những từ được gạch chân trong đoạn trên là những “keyword” hay những từ khóa quan trọng mang thông tin giúp người nghe xác định được đối tượng mà bài đang nhắc tới. Ví dụ:

Purpose (mục đích); protect dolphins (bảo vệ cá heo); around the world (trên thế giới); raise people's awareness (nâng cao nhận thức của con người); problems (vấn đề); marine creatures are suffering (sinh vật biển đang phải đối mặt); started ten years ago (bắt đầu mười năm trước); animal charities (trung tâm bảo hộ động vật); in education (trong lĩnh vực giáo dục); visited schools (thăm các trường học); talk to children and young people (trò chuyện với trẻ em và những người trẻ).

Như vậy, qua một vài từ khóa nêu trên người học có thể biết được chủ đề mà đoạn này nói tới là về bảo tồn thiên nhiên, cụ thể hơn là về một trung tâm bảo hộ động vật có mục đích giáo dục ý thức của người dân. Điểm hay của phương pháp nghe từ trên xuống là không yêu cầu người học phải nghe hiểu từng từ một trong bài nghe mà vẫn nắm bắt được một phần thông điệp được nhắc tới.

II. Nghe từ dưới lên (Bottom-up)

Ngược lại với cách tiếp cận “top-down”, “bottom-up hay nghe từ dưới lên đòi hỏi người học phải “giải mã” hay nghe hiểu được những đơn vị thông tin nhỏ nhất, chẳng hạn như nhận diện các âm, phân biệt từ vựng, phát hiện những cấu trúc ngữ pháp từ đó dẫn tới sản phẩm cuối cùng của quá trình nghe là hiểu được ý nghĩa của thông điệp.

Chẳng hạn trong câu “Tomorrow, my uncle John will come over to visit us”, quá trình nghe sẽ bắt đầu bằng việc người học tiếp nhận âm thanh của mỗi từ đơn trong câu “tomorrow”, “my”, “uncle” ...; sau đó họ sẽ nhận diện ý nghĩa của các âm mà mình nghe được để phân biệt từ đó với các từ khác, chẳng hạn /tə'morəʊ/ là trạng từ chỉ thời gian, có nghĩa là ngày mai...; quá trình nghe – giải mã sẽ diễn ra liên tục như vậy đến khi người học hiểu được nội dung của bài nghe.

Phương pháp nghe từ dưới lên phù hợp với những người bắt đầu học nghe. Nguyên nhân là do lượng từ vựng giới hạn, chưa cho phép họ tự động xử lý những gì mình đang nghe và hiểu được thông điệp của bài. Do đó, người học cần phải dựa vào những yếu tố của ngôn ngữ như âm thanh, ngữ pháp, từ vựng, ... và rồi xử lý những đơn vị thông tin đó thành một thông điệp có nghĩa.

Một số dạng bài tập liên quan đến phương pháp nghe từ dưới lên là:

- Điền vào chỗ trống
- Hoàn thành câu
- Xác định vị trí, địa điểm trên bản đồ/ biểu đồ
- Trắc nghiệm chọn câu đúng

Hãy cùng xem một ví dụ sử dụng cách tiếp cận “bottom-up” khi nghe tiếng anh:

SELF-DRIVE TOURS IN THE USA

Example

Name: Andrea:..... Brown

Address: 24 1.....Road

Postcode: BH5 20P

Phone: (mobile) 077 8664 3091

Heard about company from: 2.....

Possible self-drive courses

Trip One:

- Los Angeles: customer wants to visit some 3..... parks with her children
- Yosemite Park: customer wants to stay in a lodge, not a 4

Trip two:

- Customer wants to see the 5..... on the way to Cambria
- At Santa Monica: not interested in shopping
- At San Diego, wants to spend times on the 6.....

Đây là một bài nghe trích từ cuốn IELTS Cambridge 10. Thay vì nghe để lấy thông tin chung và hiểu một cách khái quát nội dung nghe như trong cách tiếp cận “top-down”, người học cần phải chú ý đến những thông tin chi tiết để trả lời câu hỏi. Lần này, họ phải giải mã những âm thanh đã nghe, xác định đó là từ nào. Khả năng “bóc tách” những đơn vị thông tin nhỏ từ bài nghe đóng vai trò rất cần thiết khi làm những dạng bài tập như trên. Để luyện tập kỹ thuật “bottom-up”, người học có thể sử dụng phương pháp nghe-chép chính tả. Trong quá trình này, khi tiếp nhận âm thanh, người học phải tư duy nhanh chóng để nhận diện, phân biệt những từ nào đang được nhắc đến, đồng thời ghi các âm đó ra dưới dạng chữ viết. Đây là một phương pháp luyện nghe tiếng Anh hiệu quả, trong dài hạn có thể giúp người học ngoại ngữ rèn luyện tốc độ xử lý thông tin cũng như xác định được các từ xuất hiện trong quá trình nghe.

05

Một số lưu ý khi luyện tập kỹ năng Listening

I. Luyện kỹ năng phát âm tiếng Anh chuẩn

Phát âm là một trong những yếu tố thiết yếu đối với mỗi người học IELTS. Việc trau dồi ngữ âm, phát âm chuẩn là hết sức quan trọng khi luyện IELTS listening, vì điều này sẽ ảnh hưởng đến kỹ năng nói và khả năng nghe của người học, đặc biệt khả năng nghe giọng từ các vùng miền khác nhau.

Chính vì vậy, hãy tập luyện trôi chảy phát âm chuẩn các ký tự trong bản IPA (bảng phiên âm quốc tế), đặc biệt là các âm khó dễ mắc phải sai phạm như: CH, SH, TH, J... để chuẩn bị hành trang tốt nhất cho quá trình luyện IELTS Listening.

Khi tập phát âm, người học có thể sử dụng thêm:

- Sổ ghi chép từ vựng, phiên âm để đảm bảo người học không những phát âm chuẩn mà còn viết chuẩn
- Gương để luyện tập khẩu hình miệng khi nói (soi và đối chiếu với người dạy). Dùng gương giúp người học dễ dàng quan sát khẩu hình miệng của mình xem đã chuẩn chưa, đối chiếu với khẩu hình miệng của người dạy và điều chỉnh
- Điện thoại để ghi âm phát âm của mình, sau đó so sánh với bản ghi âm của người bản xứ

II. Với mỗi từ mới, học chuẩn ngay từ đầu

Một sai lầm mà đa phần người học luyện thi IELTS đều mắc phải là khi gặp một từ mới, họ chỉ tra từ, biết nghĩa và cách dùng từ mà không chú ý đến cách phát âm của từ. Để luyện kỹ năng listening tốt, có 2 việc cần làm khi bắt gặp từ mới:

- Khi gặp một từ mới, tạo thói quen tra ngay từ điển để nắm được cách đọc đúng của từ đó
- Việc thứ hai: bên cạnh việc ghi vào một quyển sổ, người học nên có một nhật ký từ vựng bằng audio. Sau một thời gian, người học nghe lại sẽ thấy kỹ năng nghe và vốn từ vựng của mình đã tốt hơn hẳn.

Về nguồn từ vựng, người học có thể tham khảo các cuốn sách tra cứu vốn từ vựng:

- Check your vocabulary for IELTS của tác giả Rawdon Wyatt
- Key word for IELTS của Collins Cobuild
- Understanding vocabulary for IELTS Writing & Speaking của Anh ngữ ZIM

1200 Từ vựng thường xuất hiện trong bài thi IELTS Listening

Days of the week

Monday, Tuesday, Wednesday, Thursday, Friday, Saturday, Sunday, weekdays, weekend

Months of the year

January, February, March, April, May, June, July August, September, October, November, December

Money matters

cash, debit, credit card, cheque, in advance, annual fee, monthly membership, interest rate, deposit, tuition fees, poverty, bank statement, money management, current account, student account, withdraw, low-risk investment, mortgage, grace period, budget deficit, retail voucher, coupon, counterfeit money, public money, taxpayers' money, debt, interest-free credit, purchase, partial refund, annuity, non-refundable, MasterCard, VISA, distribution costs, income, finance department, family finances, duty-free store.

Subjects

science, politics, history, biology, architecture, law, geography, archaeology, literature, business management, agriculture, statistics, mathematics, logic, physics, psychology, anthropology, economics, philosophy, performing arts, visual arts, chemistry, humanities

Studying at college/university

course outline, group discussion, handout, written work, report writing, research, Proofreading, experiment, experience, reference, textbook, dictionary, laptop, printer, student advisor, teamwork, module, topic, assessment, library, department, computer centre, classroom, lecture, tutor, main hall, attendance, deadline, give a talk, speech, computer laboratory, certificate, diploma, placement test, overseas students, full-time, facilities, college, dining room, specialist, knowledge, international, accommodation, home stay, primary, secondary, intermediate, media room, resources room, staff, commencement, dissertation, leaflet, faculty, pupils, pencil, feedback, tasks, outcomes, advanced, introductory, extra background, higher education, guidelines, post-secondary, supervisor, bachelor's degree, compound, vocabulary, student support services, student retention, publication, foreign students, schedule, school reunion, registrar's office, stationery.

Marketing

catalogue, interview, newsletter, competition, TV program, strategies, research method, entertainment industry, leadership, management, display, products, customer, special offer, collecting data, questionnaire, survey, mass media, statistic, profit margin, poll, business card, training, trainee, merchandise, manufacture, recruitment.

Health

yoga, tai-chi, keep-fit, salad bar, vegetarian, outdoor activities, leisure time, disease, meal, protein, balanced diet, food pyramid, vitamin, carbohydrates, rice, pasta, potatoes, pizza, tomatoes, bread, cereals, minerals, zinc, meat, seafood, eggs, beans, milk, cheese, yoghurt, fruit, vegetables, citrus fruits, green pepper, blackcurrant, nuts, egg yolk, liver, medicine: treatment, remedy, nursing care, nursery, regular exercise.

Nature

field, footbridge, environment, waterfall, river, mountain, forest, village, coast, reef, lake, valley, hill, cliff, island, peninsula, earthquake, avalanche, tornado, typhoon, desertification, volcano, disaster, catastrophe, erosion, landslides, storm, flood, hurricane, pond, jungle, oasis, dam, canyon

The environment

greenhouse effect, acid rain, global warming, carbon dioxide, burning fossil, exhaust fumes, deforestation, nitrogen oxide, smog, climate, pollution, temperature, power plants, landfill, cattle, wind turbine, soar power, hydroelectric power, renewable, source of energy, reliable, solar panels, environmentally friendly, oxygen, chemical-free, desert, degradation, vegetation, sea level, ocean currents, soil conditioner, coal, fossil fuels, firewood, drought, contaminated.

The animal kingdom

birds of prey, seabirds, poultry and game, mammals, cetacean, whale, primates, rodents, fish, amphibian, reptile, insects, octopus, phylum, class, order, family, genus, species, livestock, creature, lion, penguin, plants: mushroom, fungus, leaves, seed, core, bark, trunk, twig, branch, flower, stem, roots, cluster, fertilizer

Continents

South America, North America, Africa, Asia, Europe, Australia and Antarctica.

Countries

Egypt, Mexico, France, Indonesia, Turkey, England, Germany, China, Greece, Brazil, India, North Korea, India, Malaysia, New Zealand, Nigeria, Pakistan, Singapore, Switzerland, United Kingdom, Italy, the Dominican Republic, the Philippines, Denmark.

Languages

linguistics, bilingual, trilingual, polyglot, Portuguese, Mandarin, Bengali, Chinese, Hindi, Russian, Japanese, German, Punjabi, Thai, Persian, Filipino, French, Italian, Greek, French

Architecture and buildings

dome, palace, fort, castle, glasshouse, pyramid, log cabin, lighthouse, hut, skyscraper, sculpture

Homes

semi-detached house, duplex, terraced house, town house, row house, bungalow, thatched cottage, mobile home, houseboat, block of flats, apartment building, condominium, chimney, bedroom, basement, landlord, tenant, rent, lease, neighborhood, suburb, sofa, coffee table, dormitory, storey, kitchen, refrigerator, microwave, ground floor, oven, hallway, insurance

In the city

cities, street, lane, city centre, central station, car park, department store, bridge, temple, embassy, road system, hospital, garden, avenue

Workplaces

clinic, dentist, reception, appointment, staff selection, colleague, workshop, showroom, information desk, employer, employment, unemployed, technical cooperation, team leaders, stress, ability, vision, confidence, employee, internship

Rating and qualities

reasonable, satisfactory, dangerous, safe, strongly recommended, poor quality, satisfied, disappointed, efficient, luxurious, colored, spotted, striped, expensive, cheap.

Touring

tourist guided tour, ticket office, souvenir, trip, guest, reservation, view, culture, memorable, single double bedded room, picnic, tourist attraction, hostel, suite, aquarium

Verbs

train, develop, collect, supervise, mark, edit, revise, exhibit, donate, surpass, register, support, hunt, persuade, concentrate, discuss, suggest, arrange, borrow, immigrate, review, learn, touch.

Adjectives

energetic, social, ancient, necessary, fantastic, exciting, fabulous, dull, comfortable, convenient, suitable, affordable, voluntary, mandatory, compulsory, temporary, permanent, Immense, vast, salty, extinct, vulnerable, pessimistic, optimistic, realistic, practical, knowledgeable, flexible, confident, Western, intensive, tranquil, spectacular, intact, various

Hobbies

orienteering, caving, spelunking, archery, ice skating, scuba-diving, snorkeling, skateboarding, bowls, darts, golf, billiards, photography, painting, pottery, woodcarving, gardening, stamp collection, embroidery, climbing, chess, parachute

Sports

cricket, baseball, basketball, rugby, soccer, american football, hockey, swimming, tennis, squash, badminton, ping-pong, field, court, pitch, stadium, team, the discus, the javelin, the hammer, the high jump, horse racing, show jumping, polo, cycling, gymnasium, athlete, gym, extreme sports, paragliding, hang-gliding, skydiving, abseiling, snowboarding, bungee jumping, surfing, windsurfing, jet-skiing, bodyboarding, white-water rafting, kitesurfing, mountain biking, jogging, press-up, push-up, barbell, treadmill, judo, recreation, snooker, walking, championship, canoeing, refreshment

Shapes

Square, rectangular, triangular, polygon, Oval, spherical, spiral, circular, curved, cylindrical, Measurement width, length, altitude, imperial system, metric system, Mass, depth, breadth, height, three dimensions, frequency

Transportations

cargo plane, shipment, container ship, boat, lifeboat, ferry, hovercraft, hydrofoil, liner, canal boat, narrowboat, dinghy sailing, sailboat, paddle steamer, cabin cruiser, rowing boat, rowboat, kayak, canoe, punt, gondola, aircraft, helicopter, seaplane, airship, hot-air balloon, airport, crew, passenger, platform, hire a car, automobile

Vehicles

double-decker bus, single-decker, minibus, school bus, coach, truck, tanker, van, lorry, transporter, forklift truck, tow truck, breakdown truck, pickup, jeep, caravan, camper, tractor, taxi, cab, tram, underground, subway, stream train, freight train, goods train

Weather

humid, hot, sticky, breeze, chilly, cold, cool, dry, dusty, freezing, hot, warm, wet, weather forecast, antenna, moisture

Places

local library, swimming pool, cafeteria, cottage, parliament, accommodation, restaurant, canteen, cafe, bookshop, sports centre, city council, dance studio, park, conversation club, kindergarten

Equipment and tools

helmet, light, musical instrument, cassette, silicon chip, digital monitor, gadget, device, screen, breaks, wheels, mechanical pencil, disk, backpack

The arts and media

Opera, Orchestra, concert, symphony, the press, conductor, vocalist, audience, festival, carnival, exhibition, classical music, theatre, cinemas, art gallery, museum, ballet, television, radio, graphics, newspaper

Materials

fur, metal, steel, aluminum, copper, rubber, plastic, ceramics, glass, cement, stone, textile, cotton, fabric, wool, leather, bone, paper, lumber/wood, glue, composite, fiberglass, concrete, wax, paper, wood, silver, gold, feather

Works and jobs

occupation, profession, designer, decorator, architect, engineer, manager, waitress, waiter, teacher, vacancy, professor, specialist, psychologist, volunteer, freelance, secretary, craftsman, work experience, curriculum vitae, mail address, receptionist, pilot, guard, flight attendant, lecturer, office assistant,

clerk, accountant, cashier, captain

Color

blue, white, orange, green, grey, black, red, yellow, purple, brown, pink

Expressions and time

three times, three times per week, a gap year, fulltime, part-time, midday, midnight, millennium, century, decade, fortnight.

Other

passport photo, state, government, individual, variety, private sector, practice, gender, creativity, original inhabitant, indigenous, demonstration, strike, entrance, circuit, guarantee, dialogue, commerce, carriage, narrative, chocolate, satellite, decision, prototype, attitude, daily routine, personal fulfillment, activity, recipient, ultrasound, pedestrian safety, traffic jams, procedures, creation, prize, junior, senior, opportunity, driving license, process, literary, man-made, republicans, umbrella, frequently updated, waiting list, sewer systems, liberal democracy, democrats, lunar calendar, libertarian, burger, videos, nature conservation, life expectancy, fund-raising event, magnet, dialect, ramification, straight, farewell, welfare, encyclopedia, evolution, revolution, illiteracy, robot, proficiency, sufficient.

III. Luyện nghe theo sách

Sau khi đã thành thục các kỹ năng, thì việc luyện nghe theo cách là cách giúp người học tiếp cận dần với format bài thi IELTS, tìm ra lỗi sai thường gặp trong quá trình luyện tập để điều chỉnh, cải thiện trước khi bước vào kì thi thực tế. Người học cũng lưu ý chọn những nguồn sách có transcript khi luyện nghe.

Một số sách giúp người học luyện nghe:

- Improve IELTS Listening and Speaking
- Intensive IELTS Listening.
- Cambridge IELTS 1-16

Tổng kết

Như vậy, người học đã được giới thiệu đến năm phương pháp cải thiện kỹ năng Nghe bao gồm Phương pháp Nhận diện ngữ âm, Phương pháp Nghe chép chính tả, Phương pháp Note-taking, Phương pháp Nghe từ trên xuống và Phương pháp Nghe từ dưới lên. Các phương pháp có thể được áp dụng với nhiều đối tượng, tuy nhiên, sẽ phù hợp nhất với người học IELTS ở trình độ 4.5 - 6.5. Người học khi ứng dụng các phương pháp vào luyện tập cũng cần lưu ý những yêu cầu về tài liệu và cách thức đã được đề cập trong bài. Áp dụng hợp lý các phương pháp sẽ giúp người học nâng cao kỹ năng nghe hiểu nói chung cũng như cải thiện điểm số trong bài thi IELTS Listening.

THAM KHẢO

Celce-Murcia, M. (1996). Teaching pronunciation. Cambridge, UK: Cambridge University Press

Davis, P. (1995). Dictation: New methods, new possibilities. Cambridge, UK: Cambridge University Press

Morley, J. (1977). Listening dictation. Detroit, MI: University of Michigan.

Kiany, G. R., & Shiramiry, E. (2002). The Effect of Frequent Dictation on the Listening Comprehension Ability of Elementary EFL Learners. TESL Canada Journal, 20(1), 57–63.

Kenworthy, J. (1990). Teaching English pronunciation. London: Longman

Richards, J.e., Platt, J., & Platt, H. (1992). Longman Dictionary of Language Teaching and Applied Linguistics (2nd ed.). London: Longman

Ur, P. (1991). Teaching listening comprehension. Cambridge, UK: Cambridge University Press.



IELTS Listening Essential Guide

Tác giả: **Phương Đàm**
Nguyễn Thị Thủy
Đoàn Ngọc Phúc Anh
Chu Minh Thùy

Tổng hợp: **Vũ Thu Hằng**

Trình bày bìa: **Trịnh Xuân Dương**

ZIM